

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1054/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 06-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.
2. Bà Trần Thị Bích Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 836/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị A, cư trú tại: Tổ X, khu vực Y, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, cư trú tại: Tổ X, khu vực Y, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày:

Chị và anh Trần Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 08-12-2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với cha mẹ chồng một thời gian rồi dọn ra ở riêng bên cạnh nhà của cha

mẹ chồng. Chồng chị làm thuê, công việc không ổn định, thu nhập thấp. Sau 02 năm chung sống, vợ chồng chị đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị không lo làm ăn mà suốt ngày uống rượu say xỉn về nhà chửi bới, đánh đập vợ con. Chị có khuyên bảo nhưng chồng chị không nghe mà ngày càng nát rượu. Chồng chị bị nghiện rượu nặng, mất sức lao động, ở nhà quậy phá vợ con; bao nhiêu gánh nặng, áp lực gia đình đều đè nặng lên đôi vai của chị, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình một mình chị lo hết. Chị đã đưa đơn ly hôn ra Tòa vào ngày 31-5-2016, nhưng chồng chị hứa sẽ thay đổi và xin cơ hội làm lại từ đầu, chị đã đồng ý và rút đơn. Thế nhưng từ đó đến giờ, chồng chị vẫn không thay đổi mà nghiện rượu nặng hơn, đánh đập vợ con nhiều hơn. Chị đã cố chịu đựng 08 năm và không thể chịu đựng được nữa nên mẹ con chị đã dọn ra ở riêng từ tháng 4-2019 đến nay. Vợ chồng chị không còn gặp nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Cho nên, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Chị và anh Q có 01 con chung là Trần Gia Q (sinh ngày 27-12-2009), sức khỏe bình thường, đang ở với chị. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, chị không có mang thai. Chị đang làm công nhân tại Công ty G, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng. Khi ly hôn, chị xin được quyền nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; các khoản nợ chung không có.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 23 tháng 9 năm 2019, bị đơn anh Trần Văn Q trình bày: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung như chị A trình bày. Trước đây, anh làm nghề đá mài, thu nhập trung bình khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng anh hay uống rượu, thường hay la mắng, kinh cãi với vợ. Chị A đã bỏ về nhà anh ruột của chị A ở khoảng 01 tháng nay. Anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng anh vẫn còn tình cảm, mâu thuẫn không có gì lớn. Nếu ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị A nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng anh không có nợ chung ai.

* Ý kiến của cháu Trần Gia Q: Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận cho ly hôn, giao con chung cho chị A nuôi, ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, buộc chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phan Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Văn Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Phan Thị A và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q vào ngày 08-12-2008, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị A và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

[4] Lời khai của chị A về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với Biên bản xác minh tại địa phương ngày 23-9-2019 (Bút lục số 24). Nguyên nhân là do anh Q nghiện rượu, chẳng những không đi làm kiếm tiền chăm lo cho gia đình mà còn ở nhà kiếm chuyện để chửi bới, la mắng, kinh cãi với vợ con. Năm 2016, chị A đã có lần đưa đơn ly hôn ra Tòa, sau đó chị A rút đơn vì anh Q hứa sẽ cai rượu và thay đổi nhưng cho đến nay tình trạng càng tồi tệ hơn, vợ chồng đã sống mỗi người mỗi nơi, không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận cho ly hôn.

[5] Con chung là Trần Gia Q (sinh ngày 27-12-2009), hiện tại đang sống với chị A, tình cảm mẹ con đã gắn bó; nguyện vọng của cháu Q là muốn tiếp tục được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét hoàn cảnh, điều kiện của các bên, Tòa thấy nên giao cháu Q cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị A và anh Trần Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Phan Thị A và anh Trần Văn Q có 01 con chung là Trần Gia Q (sinh ngày 27-12-2009), hiện tại đang ở với mẹ.

2.2. Giao cháu Q cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị A phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001925 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. P, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh